ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 663 /KH-UBND	*Triệu Sơn, ngày 14 tháng 02 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2022 - 2025

Thực hiện Chương trình số 35-CT/HU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Sơn khóa XVIII về nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025, Kết luận số 492-TB/HU ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Sơn về Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2022-2025; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2022-2025 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVIII và Chương trình số 35-CT/HU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Sơn về nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để quán triệt, tuyên truyền nội dung Chương trình nhằm thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của các cấp, các ngành và nhân dân trong huyện đối với nhiệm vụ phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2025.

- Trong quá trình thực hiện phải bám sát vào mục tiêu đến năm 2025, nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình số 35-CT/HU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021 -2025; từ đó xác định rõ trách nhiệm của các phòng, ngành, đơn vị và xác định thời gian thực hiện, hoàn thành từng nội dung, nhiệm vụ trong tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, xây dựng nền

giáo dục thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn trong nhóm 7 huyện, thị xã, thành phố dẫn đầu của tỉnh, hằng năm có học sinh đạt giải nhất, nhì cấp tỉnh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện cả về tri thức, đạo đức, lối sống và kỹ năng, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực của huyện, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Về chất lượng giáo dục

- *Đối với giáo dục mầm non:* Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đến trường đạt 33% trở lên, trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường đạt 99% trở lên; tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm 12% trở lên; duy trì 100% nhóm, lớp mầm non được học 02 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm trở lên; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,25%/năm trở lên; 95 % trẻ mẫu giáo đạt về kết quả giáo dục; 100% trẻ em 5 tuổi đến trường hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; 85% các xã, thị trấn đạt mục tiêu phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo.

- *Đối với giáo dục tiểu học:* Huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,98%; duy trì sĩ số đạt 99,99%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,89% trở lên; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,4% trở lên; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình cấp học đạt 99,5% trở lên; tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày đạt 100%; tỷ lệ học sinh được đánh giá hoàn thành, hoàn thành tốt các môn học và hoạt động giáo dục đạt 99% trở lên; tỷ lệ học sinh được đánh giá đạt và tốt về phẩm chất và năng lực đạt 100%; tỷ lệ học sinh được học tiếng Anh chương trình 10 năm đạt 100%.

- *Đối với giáo dục trung học cơ sở:*

+ Duy trì phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 3; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở cấp THCS đạt 99,5% trở lên;

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99% trở lên; trong nhóm 10 huyện, thị xã, thành phố có điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT dẫn đầu của tỉnh.

+ Duy trì thành tích giáo dục mũi nhọn trong nhóm 7 huyện, thị xã, thành phố dẫn đầu cả tỉnh; hàng năm có 70% trở lên tổng số học sinh tham dự Kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh đạt giải, trong đó có các giải nhất, nhì cấp tỉnh.

- *Đối với giáo dục trung học phổ thông:*

+ Về giáo dục đại trà: Xếp hạng điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT trong nhóm 5 huyện, thị xã, thành phố dẫn đầu của tỉnh.

+ Về giáo dục mũi nhọn: Có 3 trường trở lên trong nhóm 15 trường có chất lượng mũi nhọn dẫn đầu của tỉnh.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên:

+ Tiếp tục dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề; 100% học sinh các cấp học được giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, hoạt động ngoại khoá, trải nghiệm tìm hiểu lịch sử, văn hoá địa phương và rèn luyện nâng cao thể lực; tỷ lệ phân luồng sau THCS bảo đảm theo quy định; duy trì thành tích xếp thứ nhất toàn tỉnh trong khối giáo dục thường xuyên, có 70% trở lên tổng số học sinh tham dự Kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh đạt giải.

+ Các trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn duy trì hoạt động đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

2.2. Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm cơ cấu theo quy định; có 99,2% giáo viên trở lên đạt trình độ chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn đạt 30% trở lên.

- 100% giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông được bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- 100% giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc dành cho Việt Nam.

2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 99,07% trở lên; có 20% trở lên số trường áp dụng mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh.

- 100 % số trường mầm non tổ chức ăn bán trú cho học sinh.

- 10% số trường phổ thông tổ chức ăn bán trú cho học sinh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo, điều hành của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với phát triển giáo dục

1.1.Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị quán triệt sâu sắc chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu"; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XII), Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XIX và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVIII; xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trước mắt và lâu dài của các cấp ủy đảng, chính quyền. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về kết quả đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn, lĩnh vực được giao.

Thời gian hoàn thành: Triển khai thực hiện thường xuyên.

1.2. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở phối hợp với UBND, các cơ quan chức năng, ngành giáo dục cùng cấp: Tổ chức tuyên truyền thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; thực hiện giám sát đối với việc thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về giáo dục; phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục trong quản lý, giáo dục học sinh; tạo môi trường giáo dục lành mạnh góp phần bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và động cơ học tập đúng đắn, nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Quan tâm nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện chương trình nâng cao chất lượng giáo dục để kịp thời có điều chỉnh, bổ sung, thay thế cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thời gian hoàn thành: Triển khai thực hiện thường xuyên.

1.3. Đề nghị Hội Khuyến học huyện chủ trì, phối hợp với các tổ chức, lực lượng xã hội tham gia tuyên tuyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; vận động các tổ chức, lực lượng xã hội tích cực triển khai hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình học tập, tấm gương tiêu biểu của tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Thời gian hoàn thành: Triển khai thực hiện thường xuyên.

1.4. Đề nghị Huyện Đoàn Triệu Sơn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng thông qua các ngày truyền thống của Đoàn, Đội, Hội, các sự kiện trọng đại, các ngày lễ lớn của dân tộc trong năm; tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh thiếu niên bằng các hoạt động thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Chú trọng công tác phát triển Đảng, kết nạp đảng viên đối với học sinh THPT, để làm hạt nhân trong các phong trào, hoạt động trong và ngoài nhà trường.

Thời gian hoàn thành: Triển khai thực hiện thường xuyên.

1.5. Phòng Văn hóa - Thông tin huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2022 - 2025, để tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong nhận thức, quyết tâm trong hành động của cả hệ thống chính trị, đội ngũ nhà giáo, học sinh và Nhân dân trong việc nâng cao chất lượng giáo dục góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho huyện.

Thời gian hoàn thành Kế hoạch: Trong Quý I/2022; thực hiện tuyên truyền thường xuyên, hằng năm.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về giáo dục

2.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tăng cường quản lý nhà nước trên tất cả các mặt của công tác giáo dục; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ngành giáo dục; thực hiện việc đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm, bảo đảm dân chủ, khách quan; tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém của ngành giáo dục, nhất là bệnh thành tích trong giáo dục, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Đổi mới công tác kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục theo hướng thực chất và hiệu quả, chú trọng nâng cao chất lượng công tác tự đánh giá của các nhà trường, các giải pháp thực hiện cải tiến chất lượng. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị trong các nhà trường.

Thời gian hoàn thành: Triển khai thực hiện thường xuyên.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện về công tác điều động, luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đảm bảo tính phù hợp và khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ về số lượng cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên giữa các đơn vị trường.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

- Rà soát, tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện nhu cầu về tuyển dụng giáo viên, nhân viên; nhu cầu về bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện giao chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch xây dựng trường đạt chẩn quốc gia trên địa bàn huyện Triệu Sơn.

Thời gian hoàn thành: Đầu tháng 01, hằng năm.

2.2. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục; khắc phục những tồn tại, hạn chế về công tác tuyển dụng giáo viên, nhân viên; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý giáo dục.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

Thực hiện tinh giản biên chế đối với những cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên không đáp ứng yêu cầu, yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

2.3. Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, tư vấn và hỗ trợ việc thực hiện nhiệm vụ; kịp

thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các sai phạm của các tập thể, cá nhân trong quản lý nhà nước về giáo dục, đảm bảo khách quan, công bằng, đúng quy định.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

3. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

3.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị có liên quan, căn cứ Đề án quy hoạch mạng lưới trường, lớp học của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát, tham mưu cho UBND huyện quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường học trên địa bàn huyện; quy hoạch quỹ đất và quan tâm bố trí nguồn lực để đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo "về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học".

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

3.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện Kế hoạch đầu tư trang thiết bị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng phòng học cho các cấp học, bậc học đáp ứng quy mô phát triển giáo dục giai đoạn 2022 - 2025.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

4. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

4.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Rà soát, tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện để nâng trình độ đạt trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo kế hoạch, lộ trình của Tỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý III/2022

- Thực hiện tốt việc sử dụng, bố trí giáo viên dạy liên trường, dạy tăng tiết đối với các cấp học, môn học còn thiếu giáo viên nhưng không đủ nguồn tuyển dụng. Điều động, luân chuyển giáo viên giỏi về dạy tại Trường THCS chất lượng cao Triệu Thị Trinh nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn của huyện.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

4.2. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

Căn cứ vào biên chế tỉnh giao cho huyện về số lượng giáo viên mầm non,

tiểu học, THCS, Trung tâm GDNN-GDTX và thực tế số lượng giáo viên còn thiếu của huyện, tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch và trình xin UBND tỉnh cho chủ trương để tổ chức tuyển dụng số giáo viên còn thiếu theo đúng quy định.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện theo đợt và nhu cầu thực tế của huyện.

5. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn trong nhóm các huyện, thị xã, thành phố dẫn đầu của tỉnh

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng "Lấy trẻ làm trung tâm", tạo điều kiện cho trẻ hoạt động, vui chơi, trải nghiệm để phát triển thể chất, trí tuệ và tâm sinh lý; kịp thời phát hiện và khắc phục các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ. Phối hợp với ngành y tế thực hiện phòng chống dịch bệnh, chăm sóc, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì cho trẻ; bảo đảm các quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

- Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; dạy học trực tuyến; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế hằng ngày. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang hình thức học gắn với thực tiễn, gắn với các hoạt động xã hội, văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho học sinh thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; hướng dẫn cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học; giúp học sinh có điều kiện bộc lộ, phát huy sở trường của cá nhân, có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực cá nhân và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong các cơ sở giáo dục thông qua các hoạt động ngoại khoá, tích hợp trong các môn học, sinh hoạt tập thể. Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong việc tổ chức các hoạt động, các phong trào thi đua cho học sinh các trường phổ thông, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp, bậc học. Chú trọng phát triển đảng, kết nạp đảng viên đối với học sinh THPT.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

- Đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi để vừa phù hợp với nội dung, chương trình giáo dục phổ thông mới, vừa có tính liên thông giữa các bậc học các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia. Đổi mới tuyển sinh

đầu vào Trường THCS chất lượng cao Triệu Thị Trinh để tuyển chọn được học sinh giỏi ở các xã, thị trấn trên địa bàn toàn huyện; sớm phát hiện những học sinh có tố chất, năng khiếu ngay từ đầu cấp THCS để bồi dưỡng học sinh giỏi, nâng cao chát lượng học sinh mũi nhọn. Đổi mới thi học sinh giỏi cấp huyện bậc THCS, thi chọn đội tuyển để phát hiện, lựa chọn học sinh có chất lượng tốt nhất dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Thực hiện hiệu quả Đề án xây dựng Trường THCS Triệu Thị Trinh thành trường trọng điểm chất lượng cao; khuyến khích xây dựng trường THCS chất lượng cao ở các xã, thị trấn xa trung tâm huyện nhằm tạo nguồn học sinh giỏi cho huyện và các trường THPT trên địa bàn.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

- Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ ở các cơ sở giáo dục. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án của tỉnh về nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh đến 2025; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, hợp tác cung cấp các dịch vụ dạy và học ngoại ngữ.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

- Đổi mới công tác thi, kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, gắn với lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề; chú trọng giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoại khoá, trải nghiệm tìm hiểu lịch sử, văn hoá địa phương và rèn luyện nâng cao thể lực; thực hiện và duy trì tỷ lệ phân luồng sau THCS đảm bảo theo quy định, hàng năm tham mưu cho UBND huyện giao chỉ tiêu về phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Thường xuyên cập nhật thông tin hai chiều từ phía nhà trường và cha mẹ học sinh về chất lượng học sinh. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đến cha mẹ học sinh, nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

6. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đổi mới quản lý và dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục

6.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành kế hoạch trang bị hoàn thiện, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng CNTT trong cơ quan Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện, đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và triển khai các nền tảng, ứng dụng dùng chung toàn ngành.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý II/2022.

- Xây dựng nền tảng thu thập, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành giáo dục dùng chung cho cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục theo mô hình dữ liệu tập trung và có khả năng chia sẻ, liên thông với CSDL của huyện, tỉnh, quốc gia; xây dựng CSDL về chất lượng giáo dục phổ thông của huyện.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện hằng năm.

- Tiếp tục triển khai, vận hành tốt Hệ thống quản lý, xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử, Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ đối với cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện. Thực hiện quản lý dạy học, thi kiểm tra đánh giá trực tuyến; Hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Triển khai xây dựng mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên, hằng năm.

6.2. Phòng Văn hóa -Thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

Tiếp tục triển khai, vận hành Hệ thống quản lý, xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử, hệ thống theo dõi nhiệm vụ đối với các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, chỉ đạo, điều hành hệ thống giáo dục và yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

7. Huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng mới các cơ chế khuyến khích phát triển giáo dục

7.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với phòng Tài chính-Kế hoạch và các đơn vị có liên quan:

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành cấp tỉnh để tranh thủ các nguồn vốn, hỗ trợ của tỉnh, của ngân sách Trung ương,... cho phát triển sự nghiệp giáo dục của huyện, nhất là khu vực 3 xã miền núi.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

- Xây dựng phương án hỗ trợ đặc thù về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục các xã miền núi trên địa bàn huyện.

Thời gian hoàn thành: Trong quý III/2022.

7.2. Hội khuyến học huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan:

Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập để huy động các nguồn lực từ xã hội, của phụ huynh học sinh, các nhà hảo tâm, các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể - chính trị chăm lo cho phát triển sự nghiệp giáo dục của huyện.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

IV. NHU CẦU KINH PHÍ

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch là 526,804 tỷ đồng, trong đó:

1. Xây dựng phòng học, phòng chức năng: 373,5 tỷ đồng, cụ thể:

Cấp học	Xây dựng phòng học			Xây dựng phòng Chức năng			Tổng tiền (triệu đồng)
	Số lượng	Giá tiền (triệu đồng)	Thành tiền	Số phòng	Giá tiền (triệu đồng)	Thành tiền	
Mầm non	74	700	51.800	50	800	40.000	91.800
Tiểu học	87	700	60.900	106	800	84.800	145.700
THCS	80	700	56.000	100	800	80.000	136.000
Tổng cộng	**241**	**2.100**	**168.700**	**256**	**2.400**	**204.800**	**373.500**

2. Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ các cơ sở giáo dục và phục vụ các trường TH, THCS trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018: 100 tỷ đồng, cụ thể:

Cấp học	Ngân sách (triệu đồng)				Tổng tiền (triệu đồng)
	Tỉnh	Huyện	Xã	Xã hội hóa	
I. Mua sắm TTBDH	***0***	***13.000***	***30.000***	***17.000***	***60.000***
- Mầm non	0	3.000	10.000	7.000	20.000
- Tiểu học	0	5.000	10.000	5.000	20.000
- THCS	0	5.000	10.000	5.000	20.000
II. Mua TTBDH phục vụ chương trình GDPT 2018	***14.000***	***20.000***	***4.000***	***2.000***	***40.000***
- Tiểu học	7.000	10.000	2.000	1.000	20.000
- THCS	7.000	10.000	2.000	1.000	20.000
Tổng cộng	**14.000**	**33.000**	**34.000**	**19.000**	**100.000**

3. Đào tạo bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn (150 người): 4,5 tỷ đồng.

4. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học và quản lý giáo dục trên địa huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030: 30 tỷ đồng.

5. Cơ chế hỗ trợ phát triển giáo dục: 18,804 tỷ đồng.

*** Dự kiến nguồn vốn**

- Nguồn ngân sách của tỉnh: 25 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách huyện: 80 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách xã, thị trấn: 358,804 tỷ đồng.
- Nguồn huy động xã hội hóa: 63 tỷ đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Chương trình số 35-CT/HU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Sơn về nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị, các ngành cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị mình và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; định kỳ, trước ngày 10/11 hằng năm, báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND huyện.

2. Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị, các ngành cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan, đơn vị khác chủ trì nhưng có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, địa phương, đơn vị mình nhằm hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối tổng hợp, đôn đốc các Phòng, ngành cấp huyện, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với UBND huyện.

Trên đây là nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2022 - 2025; yêu cầu Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị, các ngành cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Thường trực Huyện ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp huyện;
- Trưởng các Phòng, ngành cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Hiệu trưởng các trường THPT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

Phụ lục 1: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2022 của UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình	Cấp Quyết định	Sản phẩm	Ghi chú
1	Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục huyện Triệu Sơn giai đoạn 2022 - 2025.	Phòng Văn hóa-Thông tin	Phòng GD&ĐT và các đơn vị có liên quan	Quý I năm 2022	UBND huyện	UBND huyện	Kế hoạch	
2	Kế hoạch trang bị hoàn thiện, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng CNTT trong cơ quan Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện giai đoạn 2022-2025, đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và triển khai các nền tảng, ứng dụng dùng chung toàn ngành.	Phòng GD&ĐT	Phòng Tài chính-Kế hoạch, phòng Văn hóa-Thông tin và các đơn vị có liên quan	Quý II năm 2022	UBND huyện	UBND huyện	Kế hoạch	
3	Xây dựng phương án hỗ trợ đặc thù về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục các xã miền núi trên địa bàn huyện giai đoạn 2022-2025.	Phòng GD&ĐT	Phòng Tài chính-Kế hoạch, phòng Kinh tế-Hạ tầng, phòng Tư pháp và các đơn vị có liên quan	Quý III năm 2022	UBND huyện	UBND huyện	Phương án	
4	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQL nâng trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn trên địa bàn huyện giai đoạn 2022-2025.	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ và các đơn vị có liên quan	Quý III năm 2022	UBND huyện	UBND huyện	Kế hoạch	
5	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng GD&ĐT	Phòng Tài chính-Kế hoạch và các đơn vị có liên quan	Tháng 1, Hằng năm	UBND huyện	UBND huyện	Kế hoạch	
6	Kế hoạch đầu tư trang thiết bị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng phòng học cho các cấp học, bậc học đáp ứng quy mô phát triển giáo dục	Phòng GD&ĐT	Phòng Tài chính-Kế hoạch, phòng Kinh tế-Hạ tầng và các đơn vị có liên quan	Hằng năm	UBND huyện	UBND huyện	Kế hoạch	
7	Kế hoạch tuyển sinh đầu vào trường THCS chất lượng cao Triệu Thị Trinh; thành lập và ôn luyện đội tuyển HSG tham gia kỳ thi HSG cấp tỉnh.	Phòng GD&ĐT	UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan	Hằng năm	UBND huyện	UBND huyện	Kế hoạch	

Phụ lục 2: CÁC CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2022 của UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chỉ tiêu thực hiện năm				Ghi chú
					2022	2023	2024	2025	
1	***Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi***	%							
	Trong đó:								
1.1	Trẻ mầm non	%	64,08	64,10	64,60	64,80	65,00	66,00	
	Trẻ Mẫu giáo trong độ tuổi đến trường	%	96,50	98,00	98,20	98,60	99,00	99,10	
1.2	Học sinh tiểu học	%	99,94	99,94	99,95	99,96	99,97	99,98	
1.3	Học sinh THCS	%	99,07	99,20	99,30	99,40	99,45	99,50	
2	***Tỉ lệ trẻ em mầm non được theo dõi sức khỏe***	%	100	100	100	100	100	100	
2.1	***Tỉ lệ trẻ em mầm non được theo dõi phát triển về cân nặng***		100	100	100	100	100	100	
	Tỉ lệ trẻ em béo phì	%	1,8	1,6	1,4	1,2	1	0,8	
	Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	3,7	3,4	3,1	2,9	2,6	2,3	
2.2	***Tỉ lệ trẻ em mầm non được theo dõi phát triển về chiều cao***		100	100	100	100	100	100	
	Tỉ lệ trẻ em thấp còi	%	4.0	3.7	3.4	3.1	2,8	2,5	
	Tỉ lệ trẻ em cao hơn so với tuổi	%	1,8	1,6	1,4	1,2	1	0,8	
3	***Tỉ lệ trẻ em Mẫu giáo đạt kết quả về giáo dục***	%	93	94	94,5	95	96	96,5	
4	***Tỉ lệ trẻ em 5 tuổi được tham gia học tập để chuẩn bị vào tiểu học (hoàn thành chương trình giáo dục mầm non)***	%	100	100	100	100	100	100	
5	***Tỉ lệ học sinh lớp 2, lớp 3 đạt được mức độ thông thạo tối thiểu đọc hiểu***	%	100	100	100	100	100	100	
6	***Tỉ lệ học sinh cuối cấp tiểu học đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học***	%	100	100	100	100	100	100	
7	***Tỉ lệ dân số trong độ tuổi được huy động ra lớp tiểu học***	%	100	100	100	100	100	100	

Số TT	*Chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Thực hiện năm 2020*	*Thực hiện năm 2021*	**Chỉ tiêu thực hiện năm**				*Ghi chú*
					2022	*2023*	*2024*	*2025*	
8	***Tỉ lệ học sinh HTCT tiểu học***	*%*	100	100	100	100	100	100	
9	***Số xã, thị trấn đạt phổ cập THCS mức độ 3***	*Xã, thị trấn*	34	34	34	34	34	34	
10	***Tỷ lệ xã, thị trấn đạt phổ cập THCS mức độ 3***	*%*	100	100	100	100	100	100	
11	***Tỷ lệ huyện đạt phổ cập THCS mức độ 3***	*%*	100	100	100	100	100	100	
12	***Tổng số nhóm, lớp***	***Nhóm, lớp***	***1441***	***1462***	***1477***	***1494***	***1489***	***1495***	
	Trong đó:								
	Mầm non	*Nhóm, lớp*	412	407	418	420	420	425	
	Tiểu học	*Lớp*	552	574	575	580	580	580	
	THCS	Lớp	328	331	332	334	334	335	
	THPT	Lớp	131	130	132	135	135	135	
	GDTX	Lớp	18	20	20	20	20	20	
13	***Nhu cầu biên chế GV theo định mức của Tỉnh (QĐ 3185, QĐ 3465)***	***Người***	***2249***	***2628***	***2648***	***2664***	***2664***	***2675***	
	Trong đó:								
	Giáo viên mầm non	Người	725	845	861	866	866	875	
	Gáo viên tiểu học	Người	830	1001	1003	1010	1010	1010	
	Giáo viên THCS	Người	660	748	750	754	754	756	
	Giáo viên TTGDTX	Người	34	34	34	34	34	34	
14	***Tỉ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn***	%	63.7	65.4	66.8	68	68.9	69.2	
15	***Tỉ lệ giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn***	%	11.8	8.8	6.4	4.1	2.3	0.8	
16	***Tỉ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn***	%	24.5	25.8	26.8	27.9	28.8	30	
17	***Tổng số trường học (công lập+tư thục)***	***Trường***	***109***	***109***	***109***	***109***	***109***	***109***	
17.1	***Tổng số trường công lập***	***Trường***	***107***	***107***	***107***	***107***	***107***	***107***	
	Trong đó:								

Số TT	*Chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Thực hiện năm 2020*	*Thực hiện năm 2021*	**Chỉ tiêu thực hiện năm**				*Ghi chú*
					2022	*2023*	*2024*	*2025*	
	Mầm non	Trường	36	36	36	36	36	36	
	Tiểu học	Trường	30	30	30	30	30	30	
	Tiểu học và THCS	Trường	6	6	6	6	6	6	
	THCS	Trường	29	29	29	29	29	29	
	THPT	Trường	5	5	5	5	5	5	
	THCS và THPT	Trường	0	0	0	0	0	0	
	TH-THCS-THPT	Trường	0	0	0	0	0	0	
	TT GDTX-KTTHHN	Trường	1	1	1	1	1	1	
17.2	***Tổng số trường ngoài công lập***	***Trường***	***2***	***2***	***2***	***2***	***2***	***2***	
	Trong đó:								
	Mầm non	Trường	1	1	1	1	1	1	
	Tiểu học	Trường	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu học và THCS	Trường	0	0	0	0	0	0	
	THCS	Trường	0	0	0	0	0	0	
	THPT	Trường	0	0	0	0	0	0	
	THCS và THPT	Trường	0	0	0	0	0	0	
	TH-THCS-THPT	Trường	1	1	1	1	1	1	
	TT GDTX-KTTHHN	Trường	0	0	0	0	0	0	
17.3	***Tỉ lệ trường ngoài công lập***	***%***	***1.83***	***1.83***	***1.83***	***1.83***	***1.83***	***1.83***	
	Trong đó:								
	Mầm non	%	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7	
	Tiểu học	%	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu học và THCS	%	0	0	0	0	0	0	
	THCS	%	0	0	0	0	0	0	
	THPT	%	0	0	0	0	0	0	
	THCS và THPT	%	0	0	0	0	0	0	

Số TT	*Chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Thực hiện năm 2020*	*Thực hiện năm 2021*	**Chỉ tiêu thực hiện năm**				*Ghi chú*
					2022	*2023*	*2024*	*2025*	
	TH-THCS-THPT	%	100	100	100	100	100	100	
	TT GDTX-KTTHHN	%	0	0	0	0	0	0	
18	***Số trường đạt chuẩn quốc gia***	***Trường***	***91***	***104***	***106***	***107***	***107***	***108***	
	Trong đó:								
	Mầm non	Trường	32	36	36	37	37	37	
	Tiểu học	Trường	30	30	30	30	30	30	
	Tiểu học và THCS	Trường	2	6	6	6	6	6	
	THCS	Trường	26	28	28	28	28	29	
	THPT	Trường	1	4	6	6	6	6	
	THCS và THPT	Trường	0	0	0	0	0	0	
19	***Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia***	***%***	***84,25***	***96,29***	***98,15***	***99,07***	***99,07***	***100***	
	Trong đó:								
	Mầm non	%	84,48	97,29	97,29	100	100	100	
	Tiểu học	%	100	100	100	100	100	100	
	Tiểu học và THCS	%	33,33	100	100	100	100	100	
	THCS	%	89,65	96,55	96,55	96,55	96,55	100	
	THPT	%	16,67	66,67	100	100	100	100	
	THCS và THPT	%	0	0	0	0	0	0	
20	***Tổng số phòng học***	***Phòng***	***1403***	***1437***	***1477***	***1489***	***1489***	***1495***	
	Trong đó:								
20.1	***Tổng số phòng học kiên cố***	***Phòng***	***1222***	***1296***	***1477***	***1489***	***1489***	***1495***	
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	87.1	90.2	100.0	100.0	100.0	100.0	
a	Tổng số phòng học kiên cố của MN	Phòng	265	292	418	420	420	425	
	Tỷ lệ phòng học kiên cố MN	%	70.1	76.0	100	100	100	100	
b	Tổng số phòng học kiên cố của TH	Phòng	478	508	575	580	580	580	
	Tỷ lệ phòng học kiên cố TH	%	88.4	92.0	100	100	100	100	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chỉ tiêu thực hiện năm				Ghi chú
					2022	2023	2024	2025	
c	Tổng số phòng học kiên cố của THCS	Phòng	310	324	332	334	334	335	
	Tỷ lệ phòng học kiên cố THCS	%	99.0	99.1	100	100	100	100	
d	Tổng số phòng học kiên cố của THPT	Phòng	153	156	156	158	158	158	
	Tỷ lệ phòng học kiên cố THPT	%	100	100	100	100	100	100	
e	Tổng số phòng học kiên cố của GDTX	Phòng	16	16	20	20	20	20	
	Tỷ lệ phòng học kiên cố GDTX	%	88.9	88.9	100.0	100.0	100.0	100.0	
20.2	***Tổng số phòng học bán kiên cố***	***Phòng***	***181***	***141***	***0***	***0***	***0***	***0***	
	Tỷ lệ phòng bán học kiên cố	%	12.9	9.8	0.0	0.0	0.0	0.0	
a	Tổng số phòng học bán kiên cố của MN	Phòng	113	92	0	0	0	0	
	Tỷ lệ phòng học bán kiên cố MN	%	29.9	24.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
b	Tổng số phòng học bán kiên cố của TH	Phòng	63	44	0	0	0	0	
	Tỷ lệ phòng học bán kiên cố TH	%	11.6	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
c	Tổng số phòng học bán kiên cố của THCS	Phòng	3	3	0	0	0	0	
	Tỷ lệ phòng học bán kiên cố THCS	%	1.0	0.9	0.0	0.0	0.0	0.0	
d	Tổng số phòng học bán kiên cố của THPT	Phòng	0	0	0	0	0	0	
	Tỷ lệ phòng học bán kiên cố THPT	%	0	0	0	0	0	0	
e	Tổng số phòng học bán kiên cố của GDTX	Phòng	2	2	0	0	0	0	
	Tỷ lệ phòng học bán kiên cố GDTX	%	*11.1*	*11.1*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	
21	**Tỉ lệ cơ sở giáo dục có**								
21.1	***Nước sạch***	***%***	***100***	***100***	***100***	***100***	***100***	***100***	
21.2	***Công trình vệ sinh***	%	***100***	***100***	***100***	***100***	***100***	***100***	
21.3	***Khai thác Internet cho chăm sóc, giáo dục trẻ***	***%***	***100***	***100***	***100***	***100***	***100***	***100***	
21.4	***Sử dụng máy tính cho dạy học***	***%***	***22***	***28***	***36***	***52***	***70***	***86***	
	Trong đó:								
	Mầm non	%	5	10	15	25	35	50	
	Tiểu học	%	10	20	30	40	60	80	

Số TT	*Chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Thực hiện năm 2020*	*Thực hiện năm 2021*	**Chỉ tiêu thực hiện năm**				*Ghi chú*
					2022	*2023*	*2024*	*2025*	
	THCS	%	30	35	40	60	80	100	
	THPT	%	35	40	50	70	90	100	
	GDTX	%	30	35	45	65	85	100	
22	***Dự kiến tổng kinh phí thực hiện kế hoạch***	***Tỷ đồng***	**173,7**	**239,3**	**126**	**142,3**	**130**	**128,504**	
22.1	Kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng	Tỷ đồng	***150***	***211***	***90***	***103***	***90***	***90,5***	
22.2	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đò dùng dạy học	Tỷ đồng	***20***	***23***	***24***	***26***	***25***	***25***	
22.3	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng Giáo viên	Tỷ đồng	0,3	0,5	1	1,1	1,2	1,2	
22.4	Kinh phí xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin	Tỷ đồng	3,4	4,8	7	8	9	6	
22.5	Kinh phí hỗ trợ phát triển giáo dục	Tỷ đồng	2,8	3,0	4	4,2	4,8	5,804	